

# THỰC TRẠNG HIỂU BIẾT LUẬT SỞ HỮU TRÍ TUỆ CỦA SINH VIÊN CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KHU VỰC ĐÔNG NAM BỘ

○ ThS. TRẦN VĂN TRUNG\*

**B**ảo hộ quyền sở hữu trí tuệ (SHTT) không còn là vấn đề của một quốc gia mà trở thành vấn đề lớn toàn cầu. Trong bối cảnh cạnh tranh toàn cầu và hội nhập kinh tế quốc tế, vấn đề bảo hộ quyền SHTT ngày càng trở nên đặc biệt quan trọng và cũng là mối quan tâm hàng đầu của các quốc gia. Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ X đã khẳng định: «*Nhà nước khuyến khích các hoạt động sáng tạo, hoàn thiện và ứng dụng công nghệ mới, thông qua các chính sách hỗ trợ phát triển, công nhận và bảo hộ quyền SHTT*». Vì vậy, giáo dục (GD) quyền SHTT cho sinh viên (SV) là vấn đề quan trọng, mang tính quốc tế và có ý nghĩa xã hội, ý nghĩa GD sâu sắc.

1. Tìm hiểu thực trạng hiểu biết về Luật SHTT cho SV đại học (ĐH) và những vấn đề có liên quan, chúng tôi đã tiến hành điều tra, khảo sát 126 giảng viên, cán bộ quản lý và 349 SV đang học tại ba trường Đại học sư phạm (ĐHSP) ở khu vực Đông Nam bộ (Trường ĐH Thủ Dầu Một, Trường ĐHSP Kỹ thuật TP. Hồ Chí Minh, Trường ĐHSP TP. Hồ Chí Minh). Đây là một trong những khu vực có sự phát triển nhanh về kinh tế, có tốc độ phát triển công nghiệp, thương mại, dịch vụ rất cao, nên có nhu cầu rất lớn trong việc bảo hộ quyền SHTT cho các sản phẩm được chế tạo, các thương hiệu, các kết quả sáng tạo trong nghiên cứu khoa học (NCKH).

1) Về nhận thức. Nhận thức đúng vai trò của Luật SHTT trong quá trình học tập (HT), rèn luyện, cũng như đối với nghề nghiệp tương lai của mình, giúp SV hiểu rõ về những quyền lợi chính đáng mà người sáng tạo ra những sản phẩm có giá trị

được hưởng; tạo động lực để thúc đẩy SV ra sức phấn đấu trong HT, rèn luyện và phát huy tính năng động sáng tạo trong HT, nghiên cứu. Quá trình khảo sát cho thấy, SV tìm hiểu về Luật SHTT chủ yếu thông qua Internet (67%), phát thanh, truyền hình (57,3%). Điều này chứng tỏ, SV chưa được nghiên cứu Luật SHTT trong chương trình học ở nhà trường hoặc chưa tham gia vào các hoạt động ngoại khóa của trường.

Khảo sát khả năng nhận thức về vai trò của quyền SHTT đối với sự phát triển kinh tế-xã hội (KT-XH), với quá trình HT, công tác của SV sau khi ra trường (xem bảng 1, 2).

Khảo sát cho thấy, hầu hết SV chưa đánh giá đúng đắn, toàn diện về vai trò của Luật SHTT đối với sự phát triển KT-XH của đất nước, tuy nhiên, SV đã nhận thức được những vai trò của Luật SHTT đối với chính họ, cũng như rất coi trọng Luật SHTT. Điều này đòi hỏi những người làm quản lý GD phải nhanh chóng nghiên cứu, tìm tòi các giải pháp khác nhau để tuyên truyền, phổ biến hoặc giảng dạy Luật SHTT cho SV trường ĐHSP.

Bảng 1. Nhận biết về vai trò của bảo hộ quyền SHTT đối với sự phát triển KT-XH

TT	Vai trò của bảo hộ quyền SHTT	Tỉ lệ %				Điểm TB
		Rất quan trọng	Quan trọng	Bình thường	Không quan trọng	
1	Tạo động lực thúc đẩy NCKH-CN	48,42	36,10	14,04	1,44	3,3152
2	Bảo vệ quyền lợi cho những nhà sản xuất	37,24	31,81	27,51	3,44	3,0287
3	Tạo điều kiện thuận lợi cho việc phát triển công nghiệp và văn hóa của đất nước	28,08	53,58	15,47	2,87	3,0688
4	Tạo điều kiện thuận lợi để thương mại quốc tế	32,67	44,69	18,34	4,30	3,0573
5	Bảo vệ bản sắc văn hóa dân tộc	24,92	41,84	26,64	6,60	2,8510
6	Tạo ra giá trị to lớn từ những nhãn hiệu, kiểu dáng độc quyền	20,34	37,24	27,22	15,20	2,6275

\* Trường Đại học Thủ Dầu Một

## Bảng 2. Nhận thức về vai trò của Luật SHTT đối với SV

TT	Vai trò của Luật SHTT đối với SVSP	Tỉ lệ %				Điểm TB
		Rất quan trọng	Quan trọng	Bình thường	Không quan trọng	
1	Giúp SV nhận thức cơ bản về quyền SHTT	47,55	39,25	13,20	0	3,3438
2	Giúp SV có những kĩ năng cơ bản để NCKH, làm bài tập thực hành	18,34	63,33	17,76	0,57	2,9943
3	Rèn kĩ năng tự học, tự nghiên cứu cho SV	33,00	45,00	20,90	1,10	3,0974
4	Biết cách tìm thông tin, dữ liệu trên Internet	26,07	48,99	20,64	4,30	2,9685
5	Giúp SV có thái độ đúng đắn để bảo vệ quyền SHTT của mình và không vi phạm quyền SHTT của người khác	41,55	53,86	4,59	0	3,3696
6	Giúp SV có những hành vi đúng đắn để bảo vệ quyền SHTT của mình và không vi phạm quyền SHTT của người khác	37,53	46,14	1,76	0,57	3,2063
7	Thực hiện nghiêm túc quy chế thi, kiểm tra	26,36	56,16	12,33	5,15	3,0372
8	Nội dung khác	5,15	24,93	46,13	23,79	2,1146

### 2) Về kĩ năng bảo vệ quyền SHTT của SV

Bảng 3. Đánh giá của giảng viên, cán bộ quản lí về thực thi quyền SHTT của SV trong HT

TT	Những biểu hiện	Tỉ lệ %				Điểm TB
		Rất thường xuyên	Thường xuyên	Bình thường	Không thường xuyên	
1	Nghiên cứu HT, tìm hiểu hệ thống pháp luật (PL) để nâng cao nhận thức PL	14,28	31,75	25,39	28,58	2,3175
2	In, sao chép tài liệu phục vụ cho HT	21,43	30,16	36,50	11,91	2,6111
3	Thường xuyên truy cập Internet để thu thập thông tin phục vụ cho HT	23,02	44,44	19,85	12,69	2,7778
4	Có biểu hiện gian lận trong kiểm tra, thi cử.	28,58	36,50	25,39	9,53	2,8413
5	SV có nhiều bài tiểu luận, bài tập nghiên cứu giống nhau.	7,94	34,92	39,68	17,46	2,3333
6	Mạo danh tác giả để làm tài sản trí tuệ của mình.	5,56	33,33	27,78	33,33	2,1111
7	Thực hiện nghiêm túc trong hoạt động NCKH	17,47	54,76	20,63	7,14	2,8254
8	Không vi phạm tài sản trí tuệ của người khác	19,84	51,59	22,22	6,35	2,8492

Bảng 3 cho thấy, tất cả các kĩ năng, hành vi đều có điểm TB ở mức trên bình thường nhưng không đến mức độ thường xuyên (lớn hơn 2 nhưng nhỏ hơn 3). Tuy nhiên, SV có biểu hiện không vi phạm tài sản trí tuệ của người khác và có biểu hiện gian lận trong thi, kiểm tra là những biểu hiện có điểm TB cao (2,8492) và (2,8413) (xem bảng 4).

bảo phù hợp theo yêu cầu xã hội.

3) Về hệ thống tài liệu phục vụ cho việc nghiên cứu về SHTT. Cách tiếp cận thông tin về SHTT của SV khá đa dạng, như: lớp học, thư viện, phương tiện thông tin đại chúng, Internet, trao đổi với bạn bè và tham gia các hội nghị, hội thảo. Một bộ phận SV có điều kiện thuận lợi hơn khi họ

Bảng 4 cho thấy, thực hiện nghiêm túc trong hoạt động NCKH và nghiên cứu HT, tìm hiểu hệ thống PL để nâng cao nhận thức PL là những kĩ năng mà SV có biểu hiện thường xuyên (2,9685) và (2,9599). Như vậy, khi đánh giá về mình, SV luôn tự cho rằng mình thực hiện nghiêm túc trong làm bài tập NCKH cũng như thường xuyên HT nâng cao nhận thức về PL.

So sánh kết quả ở Bảng 3 và Bảng 4, bên cạnh những SV luôn ra sức HT, thường xuyên rèn luyện những kĩ năng tự học, kĩ năng NCKH, trau dồi phẩm chất nghề nghiệp, phẩm chất đạo đức, nâng cao năng lực tay nghề, vẫn còn nhiều SV không chịu học hỏi, rèn luyện chuyên môn nghiệp vụ mà có biểu hiện gian lận trong khi kiểm tra, thi cử hoặc sao chép, in ấn những tài sản trí tuệ của người khác để phục vụ cho quá trình HT của mình. Điều này đòi hỏi các nhà quản lí GD cần quan tâm, tìm ra những biện pháp GD toàn diện, tăng cường GD ý thức PL, tích hợp Luật SHTT vào nội dung chương trình các môn học hoặc thông qua các chương trình rèn luyện nghiệp vụ sư phạm, hoạt động ngoại khóa để GD cho SV; góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, đảm

**Bảng 4. Đánh giá của SV về thực thi quyền SHTT của mình trong quá trình HT, rèn luyện**

TT	Những biểu hiện	Tỉ lệ %				Điểm TB
		Rất thường xuyên	Thường xuyên	Ít khi	Chưa bao giờ	
1	Nghiên cứu HT, tìm hiểu hệ thống PL để nâng cao nhận thức PL	35,95	33,53	24,07	7,45	2,9599
2	In, sao chép tài liệu để phục vụ cho HT	12,89	33,53	31,80	21,78	2,3754
3	Thường xuyên truy cập Internet để thu thập thông tin phục vụ cho HT	15,47	55,01	17,19	12,33	2,7364
4	Có biểu hiện gian lận trong kiểm tra, thi cử	41,83	14,33	23,20	20,64	2,7736
5	SV có nhiều bài tiểu luận, bài tập nghiên cứu giống nhau	15,76	48,71	20,35	15,18	2,6504
6	Mạo danh tác giả để làm tài sản trí tuệ của mình	0	0	14,61	85,39	1,1461
7	Thực hiện nghiêm túc trong NCKH	24,93	54,15	13,75	7,17	2,9685
8	Không vi phạm tài sản trí tuệ của người khác	9,45	14,60	43,00	32,95	2,0057

trực tiếp công tác trong lĩnh vực SHTT. Tuy nhiên, với thực trạng tài liệu hiện nay của các trường, SV không có nhiều lựa chọn để đáp ứng nhu cầu tìm hiểu về SHTT của mình.

Các SV đều cho rằng, lớp học là kênh thông tin phổ biến nhất. Trong đó, chỉ một số nhỏ SV có khả năng tìm hiểu và nghiên cứu về SHTT qua Internet. Vì vậy, vấn đề đặt ra là cần chú trọng phát triển hệ thống tài liệu về SHTT trong các thư viện, kể cả thư viện truyền thống lẫn thư viện điện tử. Sự đa dạng này có thể đáp ứng tốt hơn nhu cầu đối với tài liệu về SHTT trong các hoạt động giảng dạy và đào tạo về SHTT. Lí do cơ bản khiến thư viện của các trường hiện nay hoạt động chưa hiệu quả, chưa thu hút được SV tới khai thác thông tin SHTT là: số lượng sách ít; chất lượng kém (cũ, không còn phù hợp với điều kiện hiện nay do thiếu cập nhật); chủng loại thông tin không phong phú, chưa có sách chuyên khảo sâu về các khía cạnh của lĩnh vực SHTT. Tóm lại, kênh thông tin cơ bản về SHTT phục vụ nghiên cứu, HT về SHTT là thư viện chưa đáp ứng được nhu cầu của cả SV và giảng viên.

**2. Một số nguyên nhân của thực trạng trên**  
 Do quan điểm, cơ chế chính sách chưa thực sự phù hợp. Người dân nước ta có quan điểm chưa phù hợp, vẫn còn trì trệ theo cơ chế bao cấp, cơ chế chính sách chưa đáp ứng với sự phát

triển xu thế hội nhập nên đa số người dân, học sinh, SV vẫn còn những suy nghĩ, cách làm chưa phù hợp.

Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng, GD về Luật SHTT còn chậm. Nước ta đã ban hành Luật SHTT năm 2005 (có hiệu lực từ 01/7/2006); Luật SHTT sửa đổi, bổ sung năm 2009 (có hiệu lực từ 01/01/2010). Bên cạnh đó, Chính phủ cũng đã ban hành nhiều Nghị định nhằm quy định chi tiết và hướng dẫn thực hiện Luật SHTT như Nghị định số 100/2006/NĐ-CP ngày 21/9/2006; Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006... tuy nhiên, nhiều trường ĐHSPT vẫn

chưa đưa nội dung SHTT vào chương trình đào tạo, cũng như chưa coi trọng vấn đề GD Luật SHTT cho SV.

Hiểu biết của toàn xã hội đối với vấn đề bảo hộ SHTT còn hạn chế. Trình độ dân trí còn thấp, chưa hình thành tập quán tôn trọng quyền SHTT của người khác, các chủ thể SHTT chưa chủ động thực hiện việc bảo vệ quyền và tài sản của mình mà còn mang nặng tâm lí trông chờ, ỷ lại vào Nhà nước hoặc chưa biết cách để bảo vệ tài sản trí tuệ của mình (đặc biệt là ở lĩnh vực văn hóa, khoa học, nghệ thuật).

Ảnh hưởng từ mặt trái của quá trình hội nhập kinh tế, đời sống nhân dân trong nền kinh tế thị trường. Hiện nay, vì lợi nhuận của các công ti, vì nhu cầu kiếm tiền mà nhiều cá nhân, gia đình, tổ chức đã vi phạm nghiêm trọng về tài sản trí tuệ của cá nhân, tổ chức khác. □

#### Tài liệu tham khảo

1. Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005. NXB Chính trị quốc gia, H. 2008.
2. Luật Sở hữu trí tuệ Việt Nam sửa đổi, bổ sung 2009.
3. Nghị định số 100/2006/NĐ-CP ngày 21/9/2006 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Dân sự, Luật Sở hữu trí tuệ về quyền tác giả, quyền liên quan.
4. Trần Lê Hồng. "Bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ trong hoạt động của trường đại học". Tài liệu Hội thảo về hoạt động sở hữu trí tuệ trong các trường đại học. Trường Đại học Bách khoa Hà Nội, 11/2006.